

Bản án số: 50/2020/HS-ST

Ngày: 25- 9- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hoàn

2. Bà Đàm Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn SC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 04/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 14/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn V**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/9/1989; Nơi sinh: Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm GV 2, xã CN, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Vũ Văn V1, sinh năm 1966, con bà: Phạm Thị L, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 31/2007/HSST ngày 19/01/2007 bị TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Lưu hành tiền giả*”; Tại bản án số 112/2012/HSST ngày 28/12/2012 bị TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Bị hại:

1. Chị Dương Thị S, sinh năm 1995 - Có mặt

Trú tại: Xóm LP, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Hầu Văn B, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm ĐL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm HT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Người làm chứng:**

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1991 – Có mặt.

ĐKHKT: Xóm ĐV, xã ĐM, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ 1, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Triệu Thị T, sinh năm 1999 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm TC, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm BC, xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

Trú tại: Bản T, xã XL, huyện CĐ, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn V, sinh năm 1989 ở xóm GV 2, xã CN, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là bạn bè với Dương Tiến K, sinh năm 1992, trú tại: Xóm HP, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên từ năm 2012 nên V đã nhiều lần đến phòng trọ của Dương Tiến K tại Tổ 8, phường TL, TP TN chơi và sau đó V thuê trọ ở gần phòng trọ của Dương Tiến K. Trong thời gian ở trọ, K và V đã nhiều lần cùng nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Vào khoảng 07 giờ ngày 01/5/2020, K gọi điện thoại cho Vũ Văn V nói: “*Đi cùng em lên đây xem có gì*”, V hiểu là K rủ đi tìm xe mô tô để lấy trộm nên đồng ý. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen, BKS: 20C1- 175.89 đến phòng trọ của V rồi chở V đi sang huyện Đ mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến khu vực ngã ba thuộc xóm LM, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. K bảo V điều khiển xe còn K ngồi sau quan sát. Trên đường đi lên xóm MB, xã TL, huyện Đ thì cả hai phát hiện có 01 chiếc xe mô tô, loại xe Wave, màu trắng BKS: 20B1- 293.97 của anh Chu Văn B, sinh năm 1971, trú tại: Xóm ĐL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để ở rìa đường bên tay trái. V chở K đi qua vị trí để xe khoảng 10m, thấy không có người trông giữ nên K bảo V quay xe lại. V điều khiển xe quay lại cách vị trí chiếc xe khoảng 30m thì K xuống xe, cầm theo vạm phá khóa và bảo V đứng đợi để cảnh giác. K đi ra chỗ chiếc xe phá khóa xong thì bị anh B phát hiện quát: “*Mày làm gì đấy!*” (đi cùng anh B có anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970,

trú tại: xã HT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên), thì K lập tức bỏ chạy về phía V đang đỗ xe chờ rồi lên xe mô tô do V điều khiển đi hướng xuống dưới xóm MB. K nói “*đi nhanh lên*”, do V không quen đường nên K đã điều khiển xe, V ngồi sau. Khi đi đến cổng Barie ở chân xóm MB thì có bảo vệ chặn cổng, K quay xe lại đi ngược lên khu vực xóm MB. Khi đến khu vực dốc thuộc xóm LM, xã TL, huyện Đ thì K dừng xe bảo V xuống xe, rồi K đẩy chiếc xe mô tô BKS: 20C1-175.89 xuống khu vực sườn đồi. K bảo V đi bộ lên đồi keo để bỏ chạy. Trên đường đi, do bị mệt nên V dừng lại, không bỏ chạy nữa, bảo K “*Anh đi bộ ra ngoài kia đây*”. Trên đường quay lại, V bỏ lại 01 mũ bảo hiểm trên đỉnh đồi và bỏ áo khoác trên đường xuống khu vực gần khu nhà tắm của công nhân thuộc xóm LM, xã TL thì gặp Công an xã TL. Công an xã TL đã yêu cầu V về trụ sở làm rõ hành vi có liên quan, đồng thời lập biên bản sự việc, tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen, BKS: 20C1- 175.89; 01 chiếc xe mô tô, loại xe Wave, màu trắng BKS: 20B1- 293.97; 01 điện thoại Iphone 6, màu đen; 01 mũ bảo hiểm nửa đầu, màu đen và 01 áo khoác màu nâu của V.

Ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, quá trình điều tra V còn khai trước đó V và K còn thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 9 giờ ngày 28/4/2020, K điều khiển xe mô tô BKS: 20C1- 175.89 chở V đi lên khu vực xóm Bản T, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến đoạn dốc Mông thuộc xóm LP, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì cả hai phát hiện 01 xe mô tô Sirius, màu đỏ đen, BKS: 20C1- 080.92 của chị Dương Thị S, sinh năm 1995, trú tại: xóm LP, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên dừng ở lề đường. Khi đi qua chiếc xe trên khoảng 30m, thấy không có người trông coi, cả hai quay lại, K bảo V xuống xe (lúc này V đã đổi lái thay K) còn V điều khiển xe mô tô cách đó khoảng 30-40m để cảnh giới. Sau khi K nổ máy được xe mô tô BKS: 20C1- 080.92, V đi xe mô tô BKS: 20C1- 175.89, còn K điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được về phòng trọ tại Tổ 8, phường TL, thành phố TN cất giấu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, K bảo V đi cùng K lên huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Khi đi, K điều khiển xe mô tô BKS: 20C1- 080.92, còn V điều khiển xe mô tô BKS: 20C1- 175.89. Đến huyện VN, K bảo V chờ ở chân dốc (V không xác định được thuộc địa phận nào của huyện VN) còn K điều khiển xe mô tô BKS: 20C1- 080.92 đi tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 15 phút sau K đi bộ về chỗ V rồi V chở K về phòng trọ. Trên đường đi K đưa cho V 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để tiêu sài cá nhân.

Lần 2: Khoảng 14 giờ ngày 30/4/2020, K cùng V trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không biển kiểm soát tại khu vực xóm TT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, cả hai đem chiếc xe trộm cắp được về phòng trọ của V tại tổ 8, phường TL, thành phố Thái Nguyên (chủ nhà trọ là chị Lục Thị C, sinh năm 1980, trú tại tổ 7, phường PX, thành phố TN) để cất giấu. Quá trình điều tra, chị C đã giao nộp chiếc xe trên cho Công an huyện Đ để giải quyết theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/ĐGTSHTS ngày 05/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu

Honda, Wave, màu trắng bạc, BKS: 20B1- 293.97 tại thời điểm ngày 01/5/2020 có giá trị là 8.000.000 đồng (xe của anh Bộ); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đen đỏ, BKS: 20C1- 080.92 có giá trị tại thời điểm ngày 28/4/2020 là 8.500.000 đồng (xe của chị S).

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 xe mô tô BKS: 20C1- 080.92 của chị Dương Thị S, sau khi trộm cắp bị cáo đã bán nên không thu hồi được.

- 01 xe mô tô, loại xe Wave, màu trắng BKS: 20B1- 293.97 ngày 18/5/2020 cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Chu Văn B là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu đen, BKS: 20C1- 175.89. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản do cơ quan CSĐT Công an huyện VN, tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết nên đã chuyển để giải quyết theo thẩm quyền.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không biển kiểm soát. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản do cơ quan CSĐT Công an huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết nên đã chuyển để giải quyết theo thẩm quyền.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen; 01 mũ bảo hiểm đã qua sử dụng; 01 áo khoác ngoài màu nâu, đã qua sử dụng; 01 khóa chữ U, đã bị bẻ khóa; 01 áo bò màu xanh; 01 quần bò màu xanh. Hiện số vật chứng trên đang được bảo quản, lưu giữ chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu trắng bạc, BKS: 20B1- 293.97 bị cáo và K lấy trộm của anh Hầu Văn B. Ngày 18/5/2020 Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Hầu Văn B là chủ sở hữu quản lý, sử dụng, anh B nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đỏ đen, BKS: 20C1- 080.92 bị cáo và K lấy trộm của chị Dương Thị S. Quá trình điều tra không thu giữ được, chị Dương Thị S yêu cầu bồi thường theo giá trị còn lại là 8.500.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSĐH, ngày 28/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Vũ Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585, 589; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về trách nhiệm bồi thường; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Thị S số tiền 8.500.000 đồng tương đương giá trị của chiếc xe mô tô.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm đã qua sử dụng; 01 áo khoác ngoài màu nâu, đã qua sử dụng; 01 khóa chữ U, đã bị bẻ khóa; 01 áo bò màu xanh; 01 quần bò màu xanh.

+ Trả lại cho bà Phạm Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen niêm phong trong phong bì ký hiệu H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo và bị hại chị Dương Thị S không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Trong các ngày 28/4/2020 và ngày 01/5/2020, Vũ Văn V và Dương Tiến K đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 28/4/2020, tại xóm LP, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vũ Văn V đã ở ngoài cảnh giới để cho Dương Tiến K thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đen đỏ, BKS: 20C1- 080.92 có giá trị: 8.500.000 đồng của chị Dương Thị S, trú tại: xóm LP, xã VL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện chiếc xe mô tô trên chưa thu hồi được.

- Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 01/5/2020, tại xóm MB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vũ Văn V đã ở ngoài cảnh giới để cho Dương Tiến K thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu trắng bạc, BKS: 20B1- 293.97 có giá trị: 8.000.000 đồng của anh Chu Văn B, trú tại: xóm Luông, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện chiếc xe mô tô trên đã thu hồi được và trả lại cho anh B là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù

hợp với biên bản sự việc, đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản và kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Vũ Văn V chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử nhiều lần, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật; do đó, khi lượng hình cần lên một mức án nghiêm khắc buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại anh Hầu Văn B có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu trắng bạc, BKS: 20B1- 293.97 bị trộm cắp. Quá trình điều tra cơ quan Công

an đã thu giữ được chiếc xe mô tô trên trả lại cho anh B là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, anh B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bị hại chị Dương Thị S có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu sơn đen đỏ, BKS: 20C1- 080.92 bị trộm cắp đến nay chưa thu hồi được. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị S yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của chiếc xe trên theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định là 8.500.000 đồng, bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy: việc bị hại và bị cáo thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật; do đó, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường giá trị của chiếc xe mô tô; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị S số tiền là 8.500.000 đồng.

[5]. Vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu trắng BKS: 20B1-293.97 ngày 18/5/2020 Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Chu Văn B là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 20C1-175.89. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản do Công an huyện VN, tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết nên đã chuyển để giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không biển kiểm soát. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản do Công an huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết nên đã chuyển để giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phạm Thị L là mẹ đẻ của bị cáo cho bị cáo mượn để sử dụng liên lạc hàng ngày. Việc bị cáo sử dụng chiếc điện thoại trên liên lạc với K để đi trộm cắp tài sản bà Liên không biết. Nay bà L đề nghị được trả lại chiếc điện thoại để quản lý, sử dụng. Xét đề nghị của bà L là có căn cứ nên trả lại cho bà L chiếc điện thoại trên là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm đã qua sử dụng; 01 áo khoác ngoài màu nâu, đã qua sử dụng; 01 khóa chữ U, đã bị bẻ khóa; 01 áo bò màu xanh; 01 quần bò màu xanh là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử; Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[7]. Ngoài ra, trong vụ án này còn có Dương Tiến K, là người đã cùng bị cáo Vũ Văn V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định khởi tố bị can đối với K; tuy nhiên, hiện nay K đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định truy nã đối với K và tách vụ án để tiếp tục điều tra theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: **Vũ Văn V** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quyết định tạm giam bị cáo **Vũ Văn V** 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585; Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Vũ Văn V và bị hại chị Dương Thị S về việc bồi thường; cụ thể: bị cáo Vũ Văn V có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Thị S số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án, được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác ngoài màu nâu, đã qua sử dụng; 01 (một) khóa chữ U, đã bị bẻ khóa; 01 (một) áo bò màu xanh; 01 (một) quần bò màu xanh.

- Trả lại cho bà Phạm Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu đen niêm phong trong phong bì ký hiệu H.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa Công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Văn V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, chị S, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh B, bà L, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã CN, TP TN;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Lê Huy Bắc